

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Điều chỉnh lần 01)**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 3074/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất ngày 28/8/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 971/TTr- STNMT ngày 29/9/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước (địa chỉ tại Lô F502, tầng 5, tòa Nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành Phố Hà Nội)

được thăm dò nước dưới đất theo Đề án thăm dò nước dưới đất dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất sợi dệt kết hợp phát triển vùng nguyên liệu cây gai” tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò: Tìm kiếm nguồn nước dưới đất phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất sợi dệt kết hợp phát triển vùng nguyên liệu cây gai” tại thôn Thuần Lương, xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

2. Quy mô thăm dò:

- Tổng số giếng thăm dò: 12 giếng.
- Tổng lưu lượng thăm dò dự kiến: 2.900 m³/ngày đêm.
- Dự kiến lưu lượng của từng giếng: trung bình 240 m³/ngày đêm/giếng.

3. Vị trí công trình thăm dò: Trong khu đất thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất sợi dệt kết hợp phát triển vùng nguyên liệu cây gai” của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và Xuất nhập khẩu An Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 012430 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/6/2016 và Dự án “Trạm bơm nước cấp 1, tuyến ống nước thô, hệ thống thoát nước thải và hồ dự trữ nước Hón Cạn, tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy” với các Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 01/8/2019, số 2245/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND huyện Cẩm Thủy; Công văn số 211/UBND-TNMT ngày 20/2/2020 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc xác nhận hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ trong GPMT để thực hiện Dự án “Trạm bơm nước cấp 1, tuyến ống nước thô, hệ thống thoát nước thải và hồ dự trữ nước Hón Cạn” của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và Xuất nhập khẩu An Phước.

Tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3⁰) như sau:

Điểm góc	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3 ⁰)	
	X	Y
M1	2238858.15	552289.88
M2	2238824.92	552346.22
M3	2238803.09	552394.56
M4	2238798.01	552493.90
M5	2238830.24	552543.37
M6	2238840.96	552585.51
M7	2238773.12	552668.65
M8	2238682.49	552745.48

Điểm góc	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3 ⁰)	
	X	Y
M9	2238559.91	552756.79
M10	2238427.70	552772.77
M11	2238375.69	552845.12
M12	2238365.40	552934.32
M13	2238368.45	552944.15
M14	2238368.86	552967.38
M15	2238331.65	552976.83
M16	2238326.18	552973.04
M17	2238309.71	552945.73
M18	2238292.09	552910.68
M19	2238285.81	552890.19
M20	2238287.90	552830.40
M21	2238316.65	552770.62
M22	2238420.24	552598.20
M23	2238428.91	552574.57
M24	2238448.15	552494.65
M25	2238459.68	552467.30
M26	2238464.11	552458.47
M27	2238469.01	552441.52
M28	2238494.02	552381.33
M29	2238536.89	552385.98
M30	2238572.78	552339.89
M31	2238598.99	552324.35
M32	2238628.93	552323.28
M33	2238647.37	552318.03
M34	2238661.33	552297.02
M35	2238660.62	552277.05
M36	2238537.55	552210.74
M37	2238593.61	552049.43
M38	2238820.73	552169.40

Điểm góc	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3 ⁰)	
	X	Y
M39	2238790.03	552229.29
M40	2238783.99	552256.91
M41	2238847.63	552289.25

(có Sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép)

4. Tầng chứa nước thăm dò: Tầng chứa nước khe nứt trầm tích Pecmi thượng - Hệ tầng Cẩm Thủy (P_{2ct}); Chiều sâu dự kiến của các giếng thăm dò là 85m.

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu:

(Có Bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo)

6. Thời hạn của Giấy phép: đến hết ngày 19/02/2022.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước và Đơn vị thi công công trình thăm dò nước dưới đất:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Chỉ được phép thi công thăm dò nước dưới đất trong phạm vi, khu vực quy định tại Khoản 3 Điều 1 Giấy phép này và thực hiện các nghĩa vụ liên quan về đất đai trong quá trình thăm dò nước dưới đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013;

3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 14 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước năm 2012, cụ thể:

a) Các yêu cầu chung:

- Tuân thủ các nội dung theo Đề án thăm dò nước dưới đất được phê duyệt; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò;

- Việc thăm dò phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực có liên quan đến việc khai thác, sử dụng nước dưới đất đã được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định;

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cẩm Thủy trong quá trình thăm dò nước dưới đất. Trường hợp xảy ra sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, sụt lún đất thì phải dừng ngay việc thi công thăm dò và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Đối với Đơn vị thi công công trình thăm dò nước dưới đất:

- Đáp ứng đủ các điều kiện về hành nghề khoan nước dưới đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; có Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và công trình thăm dò nước dưới đất;

- Bảo đảm phòng, chống sụt, lún đất, xâm nhập mặn, ô nhiễm các tầng chứa nước dưới đất;

- Thực hiện các biện pháp để bảo vệ nguồn nước dưới đất và môi trường xung quanh khu vực thăm dò (*theo quy định tại Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất*);

- Trám, lấp giếng hỏng, không sử dụng sau khi kết thúc thăm dò (*theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng*);

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố trong quá trình thăm dò nước dưới đất.

c) Đối với Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu đối với Đơn vị thi công công trình thăm dò nước dưới đất, nếu phát hiện có vi phạm phải dừng ngay việc thăm dò;

- Trường hợp xảy ra sự cố phải khắc phục kịp thời, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

- Giao nộp đầy đủ tài liệu, báo cáo kết quả thăm dò về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa sau khi hoàn thành việc thăm dò nước dưới đất tại khu vực đề nghị thăm dò (*theo Bảng tổng hợp khối lượng thăm dò và kết quả thực hiện các biện pháp bảo vệ nước dưới đất, trám lấp giếng không sử dụng*).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thăm dò nước dưới đất số 35/GP-UBND ngày 20/02/2020. Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước;
- Cục Quản lý TNN-Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (10 bản);
- UBND huyện Cẩm Thủy;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU**
Theo Đề án thăm dò nước dưới đất của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước, tại xã Cẩm Tú,
huyện Cẩm Thủy

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày / /2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Dạng công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	Lập đề án thăm dò	Đề án	1	
II	Thi công đề án thăm dò			
1	Công tác thu thập tài liệu			
-	Số liệu khí tượng thủy văn	Yếu tố/năm	08	
-	Số liệu địa chất thủy văn	Yếu tố/năm	03	
3	Công tác khảo sát địa vật lý			
-	Đo sâu điện	Điểm	12	
4	Công tác trắc địa	Điểm	12	
5	Công tác khoan và kết cấu giếng khoan			
-	Khoan thăm dò đường kính d = 200	m/lỗ khoan	85/12	
-	Khoan mở rộng đường kính d = 250	m/lỗ khoan	85/12	
-	ống chống Φ250	m	75/12	
-	ống lọc Φ200	m	5/12	
6	Công tác thí nghiệm bơm thí nghiệm			
-	Bơm thổi rửa	ca máy/lỗ khoan	12/12	
-	Hút nước giặt cấp	ca máy/lỗ khoan	12/12	
-	Hút nước thí nghiệm đơn 3 lần hạ thấp	ca máy/lỗ khoan	12/12	
-	Hút nước thí nghiệm nhóm	ca máy/lỗ khoan	12/12	
-	Đo hồi thủy	ca /lỗ khoan	12/12	
7	Công tác lấy mẫu và phân tích mẫu nước			
7.1	Lấy mẫu và phân tích mẫu nước ngầm			
-	Mẫu toàn diện	mẫu	12	
-	Mẫu kim vi lượng	mẫu	12	
-	Mẫu phân tích vi sinh	mẫu	12	

STT	Dạng công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
7.2	Lấy mẫu và phân tích mẫu nước mặt	mẫu	01	
8	Số liệu, tài liệu, kết quả thăm dò	Bộ	01	
9	Báo cáo kết quả thăm dò	Báo cáo	04	
10	Lắp thiết bị bơm nước lỗ khoan	LK	12	